FireAnt

Tổng công ty IDICO - CTCP (HNX: IDC)

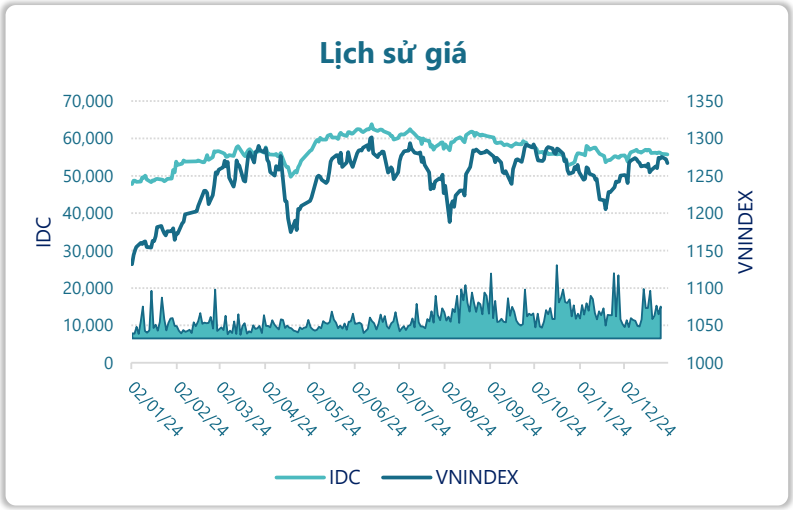

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**55,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	63,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	47,788
SL cổ phiếu LH	329,999,929
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,323,445
% sở hữu nước ngoài	21.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	18,381
P/E	9.2
EPS	6,050

DT thuần

Q4/24

1,955

tỷ VNĐ

QoQ: ▼321| -14.1%

YoY: ▼284| -12.7%

LN sau thuế

Q4/24

438

tỷ VNĐ

QoQ: ▼136| -23.7%

YoY: ▼185| -29.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

35.3%

+/- YoY: ▲ 4.3%

DT thuần

2024

8,846

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,609| 22.2%

LN sau thuế

2024

2,393

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 737| 44.5%

ROE

2024

29.8%

+/- YoY: ▲ 7.2%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

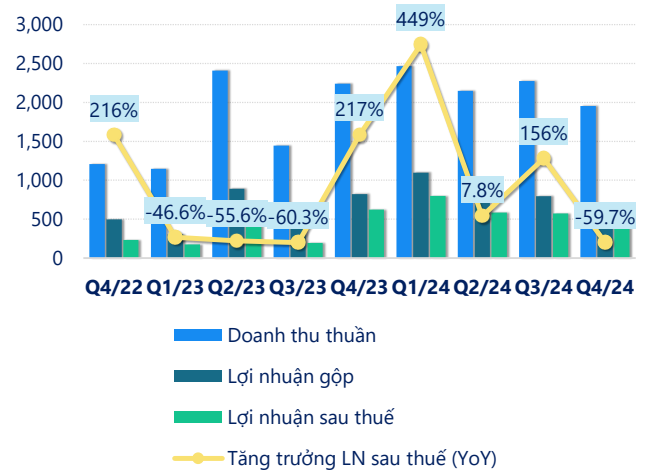

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

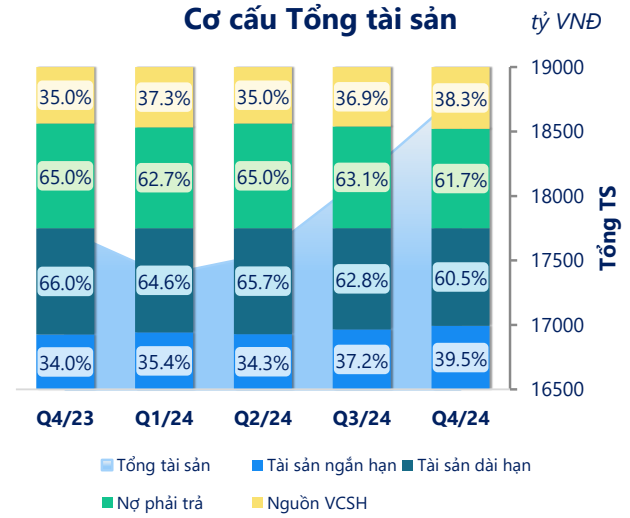

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

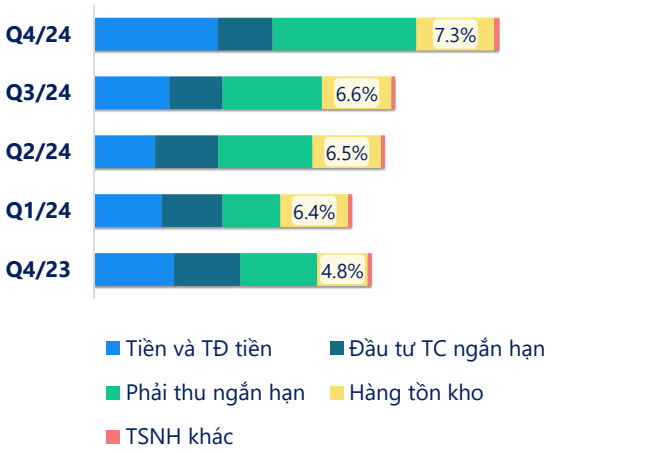

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

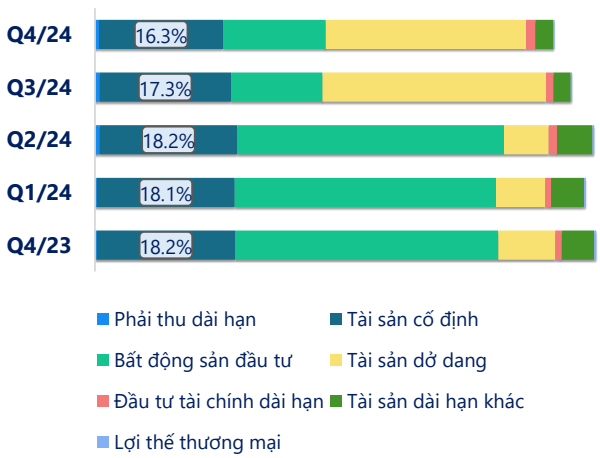

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

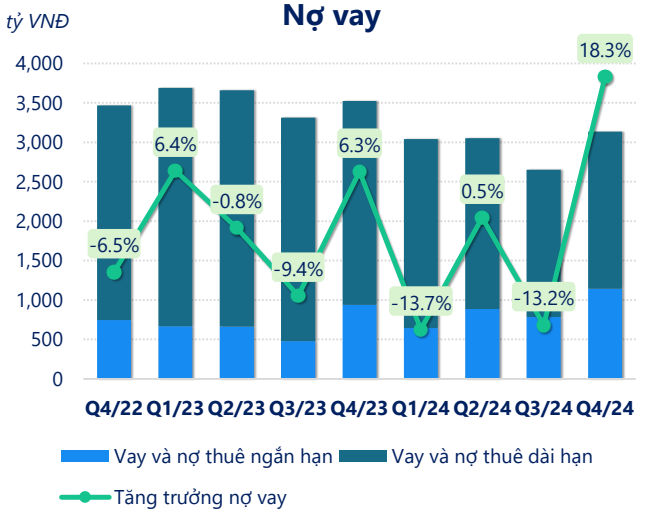

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

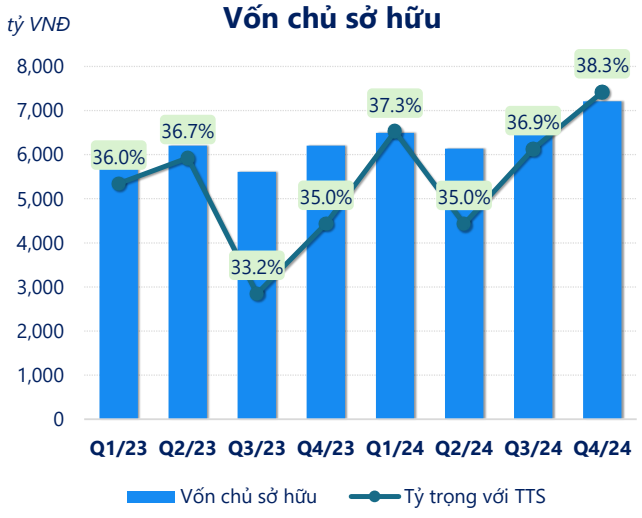

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

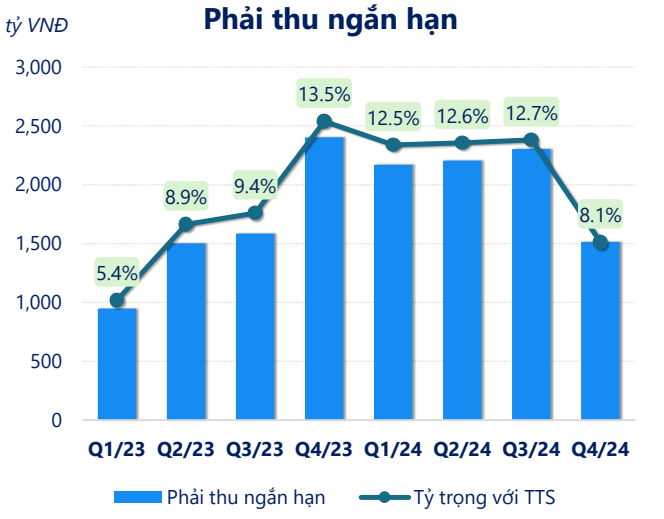

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

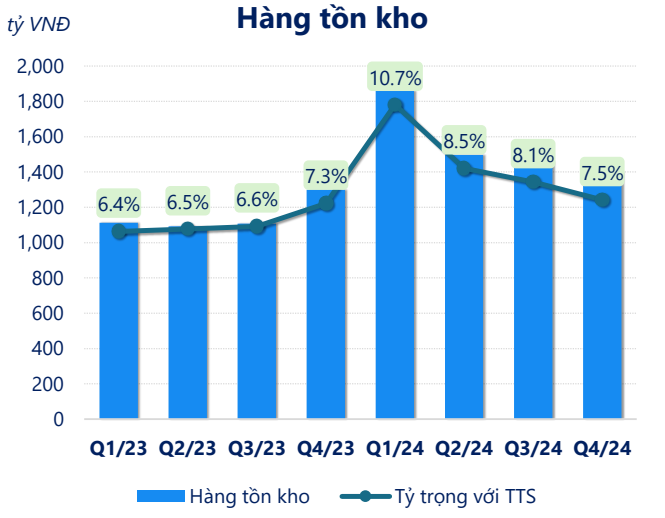

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

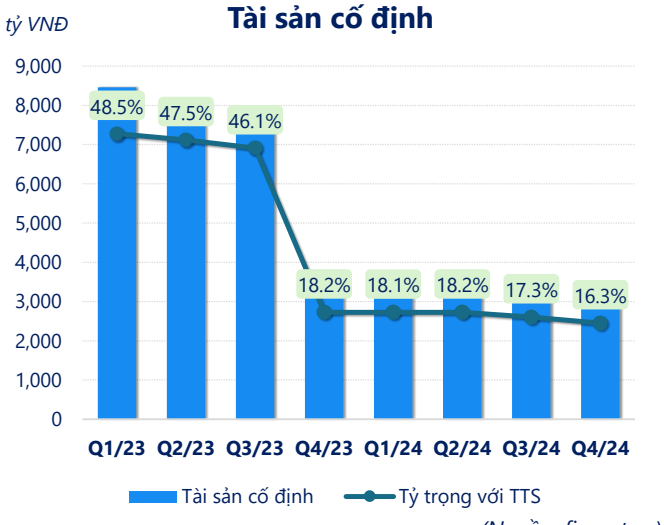

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

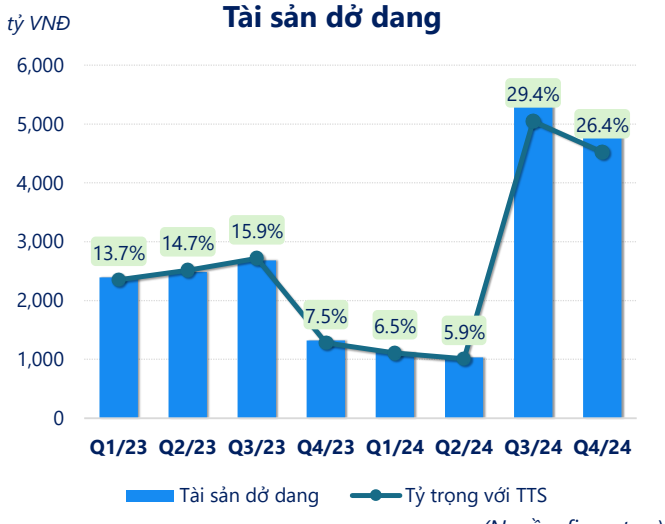

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

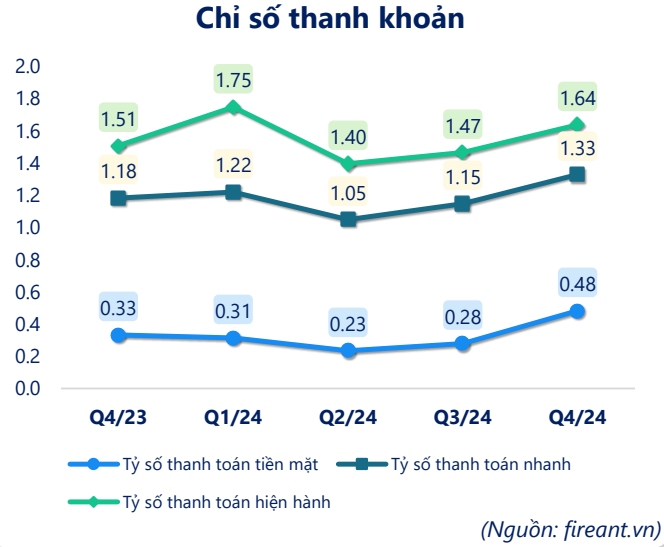

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

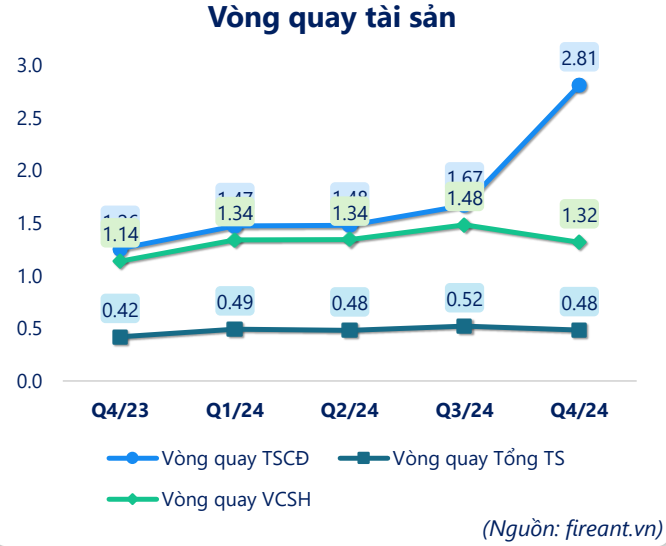

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**17,732**	**17,386**	**17,544**	**18,135**	**18,800**
Tài sản ngắn hạn	**6,032**	**6,149**	**6,016**	**6,744**	**7,422**
Tiền và tương đương tiền	1,334	1,108	1,010	1,288	2,188
Đầu tư tài chính ngắn hạn	910	967	1,266	1,633	2,264
Phải thu ngắn hạn	2,401	2,169	2,204	2,302	1,515
Hàng tồn kho	1,299	1,858	1,496	1,461	1,401
Tài sản ngắn hạn khác	88.6	47.5	38.4	59.9	54.2
Tài sản dài hạn	**11,700**	**11,237**	**11,529**	**11,391**	**11,377**
Phải thu dài hạn	46.0	44.9	103	103	103
Tài sản cố định	3,221	3,155	3,187	3,145	3,070
Bất động sản đầu tư	6,151	5,978	6,156	2,182	2,538
Tài sản dở dang	1,323	1,122	1,034	5,338	4,959
Đầu tư tài chính dài hạn	158	138	189	179	228
Tài sản dài hạn khác	755	755	820	407	447
Lợi thế thương mại	46.2	42.7	39.1	35.6	32.1
Nợ phải trả	**11,528**	**10,894**	**11,406**	**11,444**	**11,591**
Nợ ngắn hạn	**3,999**	**3,519**	**4,309**	**4,602**	**4,532**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	938	644	887	785	1,144
Phải trả người bán ngắn hạn	314	293	298	283	302
Nợ dài hạn	7,529	7,375	7,097	6,842	7,059
Vay và nợ thuê dài hạn	2,585	2,395	2,166	1,866	1,992
Nguồn vốn chủ sở hữu	**6,204**	**6,492**	**6,138**	**6,691**	**7,208**
Vốn chủ sở hữu	**6,204**	**6,492**	**6,138**	**6,691**	**7,208**
Vốn điều lệ	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)